

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06 tháng 9 năm 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ B

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Lan Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân T phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Thu H, sinh năm 1982

**Bị đơn:* Anh Trần Nhật T, sinh năm 1982

Cùng trú tại: Số nhà 61, đường Lý Tự Trọng 6, phường Xương Giang, T phố B, tỉnh B.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 25/6/2021, nguyên đơn là chị Lương Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Nhật T đăng ký kết hôn ngày 15/01/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Thọ Xương, T phố B, tỉnh B. Anh, chị được tự do tìm hiểu trước khi cưới, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau ngày cưới, chị về chung sống được khoảng 01 năm thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn, mãi chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị đã phải trả nợ thay cho anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, gây ra nhiều áp lực trong cuộc sống đối với chị. Đầu tháng 6/2021, anh T bỏ nhà đi không liên hệ gì với chị và gia đình, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, không thể H giải đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Nhật T có hai con chung là Trần Minh Nam, sinh ngày 09/02/2016 và Trần Nhật Minh, sinh ngày 15/12/2006. Hiện nay hai con đang ở với chị. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi dưỡng cả hai con. Chị hiện làm việc tại Công ty ĐTPT thương mại Bắc Hà, thu nhập 16.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Trần Nhật T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải nhưng anh Trần Nhật T không nộp văn bản gì cho Tòa án, cũng không đến làm việc theo các thông báo của Tòa án.

* Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 23/6/2021 tại tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, T phố B, được cung cấp như sau: Anh Trần Nhật T có hộ khẩu thường trú tại nhà 61, đường Lý Tự Trọng 6, phường Xương Giang, T phố B, tỉnh B, nhưng hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, anh T thì thoảng vẫn đi và về địa chỉ này. Vợ chồng anh T và chị H khi sinh sống ở địa phương có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ; các con chung đều ở với chị H tại địa phương.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và H giải nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành H giải được.

Ngày 17/8/2021, Tòa án tiến hành mở phiên tòa, nhưng do anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Chị H vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cùng quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự

như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, H giải, vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu H được ly hôn anh Trần Nhật T.

+ Về con chung: Giao chị H nuôi dưỡng con chung là Trần Minh Nam, sinh ngày 09/02/2016 và Trần Nhật Minh, sinh ngày 15/12/2006. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại nhà 61, đường Lý Tự Trọng 6, phường Xương Giang, T phố B, tỉnh B. Tòa án nhân dân T phố B thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Nhật T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị Lương Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn ngày 15/01/2016 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thọ Xương, T phố B, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ham mê cờ bạc không chịu làm ăn, dẫn đến nợ nần phải bỏ nhà đi nơi khác từ tháng 6/2021. Vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ gì. Tại biên bản xác minh tại tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, T phố B xác định vợ chồng

anh chị có mâu thuẫn. Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa án để H giải đoàn tụ nhưng anh T đều không đến làm việc, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Minh Nam, sinh ngày 09/02/2016 và Trần Nhật Minh, sinh ngày 15/12/2006, hiện đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H có nơi ở ổn định, có việc làm và thu nhập đủ điều kiện nuôi con; cháu Nam tuổi còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển tốt nhất, cháu Trần Nhật Minh có nguyện vọng ở với chị H. Hơn nữa, anh T không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm gì về nội dung vụ án. Do đó, cần thiết giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi trong con trường hợp các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu H được ly hôn anh Trần Nhật T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị Thu H quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Minh Nam, sinh ngày 09/02/2016 và Trần Nhật Minh, sinh ngày 15/12/2006.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0002334 ngày 22/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự T phố B, tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường Thọ Xương, TP. B, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Mạnh Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA